

Số: 146/TB-VKSTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết việc dân sự về kinh doanh, thương mại

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm một số việc dân sự về kinh doanh, thương mại “*Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các phán quyết của trọng tài nước ngoài*”, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy trong quá trình giải quyết việc dân sự của Tòa án cấp phúc thẩm đã có những vi phạm trong việc nhận định, đánh giá chứng cứ và việc xác định bản chất của việc dân sự, cần thông báo để rút kinh nghiệm chung, cụ thể:

I/ Việc thứ nhất: giữa người được thi hành là Ngân hàng TNHH DBS (gọi tắt là DBS) với người phải thi hành là ông B và bà L.

1. TÓM TẮT NỘI DUNG

Ngày 15/10/2010, DBS cho ông B và bà L vay số tiền 4.963.000 Đô la Singapore; ông B, bà L đã thế chấp căn hộ số 55 Cove Drive # 03-09, Turquoise, Singapore 098392 cho DBS. Do ông B, bà L không trả nợ nên DBS đã khởi kiện ra Tòa Thượng thẩm Singapore.

Tại Quyết định OS 1129/2012, tài liệu số ORC 2019/2013 ngày 25/3/2013, Tòa Thượng thẩm Singapore quyết định: Ông B, bà L phải bàn giao cho DBS tài sản thế chấp, thanh toán số tiền 5.049.703,00 Đôla Singapore tính đến ngày 25/11/2012 và tiền lãi tính theo mức lãi suất bằng 5%/ năm cộng với lãi suất cho vay cơ bản hiện hành của DBS trên cơ sở lãi kép tính từ ngày 26/11/2012 đến ngày trả hết nợ.

Bà L đã bàn giao tài sản thế chấp cho DBS và DBS đã phát hành quyền chọn mua bất động sản với giá 4.026.000 Đôla Singapore. Tính đến ngày 16/10/2014, ông B, bà L vẫn còn nợ DBS số tiền 1.928.117,70 Đôla Singapore là phần dư nợ còn lại của khoản tín dụng.

Do ông B, bà L không thanh toán cho DBS phần dư nợ còn lại nên DBS có đơn yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phần nợ còn lại phải trả theo Quyết định OS 1129/2012, tài liệu số ORC 2019/2013 ngày 25/3/2013 của Tòa Thượng thẩm Singapore. Do người phải thi hành là ông B, bà L có địa chỉ tại Số 250 đường NTMK, Phường 6, Quận T, Thành phố H do đó DBS có đơn yêu cầu Tòa án Thành phố H công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là đúng pháp luật.

2. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT

2.1. Quyết định số 1186/2016/QĐST-DS ngày 02/12/2016 của TAND Thành phố H quyết định: *Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng DBS.*

Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phần còn lại theo Quyết định OS 1129/2013 ngày 25/3/2013 của Tòa Thượng thẩm Singapore..

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về lệ phí xét đơn yêu cầu và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/12/201, bà Cao Thị Huyền T là đại diện theo uỷ quyền của ông B, bà L kháng cáo.

2.2. Quyết định phúc thẩm số 111/2017/QĐPT-KDTM ngày 21/6/2017 của TAND cấp cao tại Thành phố H, quyết định:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của người phải thi hành là bà Cao Thị Huyền T. Giữ nguyên Quyết định số 1186/2016/QĐST-DS ngày 02/12/2016 của TAND Thành phố M.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng DBS công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phần còn lại phải thanh toán theo Quyết định OS 1129/2012, tài liệu số ORC 2019/2013 ngày 25/3/2013 của Tòa Thượng thẩm Singapore”.

2.3. Ngày 19/8/2017, ông B, bà L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định số 111/2017/QĐPT-KDTM ngày 21/6/2017 của TAND cấp cao tại Thành phố H.

2.4. Ngày 18/6/2020, Chánh án TAND tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/2020/KN-KDTM đối với Quyết định phúc thẩm nêu trên. Lý do, Quyết định phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của DBS công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài và cho thi hành tại Việt Nam là không đúng.

2.5. Quyết định giám đốc thẩm số 05/2021/KDTM-GĐT ngày 28/4/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/2020/KN-KDTM ngày 18/6/2020 của Chánh án TAND tối cao, hủy Quyết định số 111/2017/QĐPT-KDTM ngày 21/6/2017 của TAND cấp cao tại Thành phố H. Quyết định số 1186/2016/QĐST-DS ngày 02/12/2016 của TAND Thành phố H. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố H xét xử lại.

II/ Việc thứ hai: giữa người được thi hành là Y với người phải thi hành là Công ty S.

1. TÓM TẮT NỘI DUNG

Theo đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam ngày 10/01/2020, quá trình giải quyết, người được thi hành là Công ty Y yêu cầu: Buộc Công ty S phải trả cho Y số tiền tổng cộng là. 5.211.120,16 CNY tương đương 17.434.350.705,121 VND và tiền lãi được tạm tính đến thời điểm

yêu cầu là 2.016.253,74 CNY tương đương 6.745.588.997,0635 VND, tổng là 24.179.939.702 VND. Tại phiên họp ngày 30/9/2020, người đại diện của Công ty Y yêu cầu Công ty S phải thi hành tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2020 là 25.080.216.086,56 VND và tiền lãi phát sinh.

Căn cứ và lý do yêu cầu: Công ty Y và Công ty S có ký “Hợp đồng dịch vụ” ngày 07/9/2009 nội dung Công ty Y cung cấp vật liệu chịu lửa về hai chiếc lò điện 52 tấn luyện thép và tất cả vật liệu chịu lửa cần thiết cho thùng thép 60 tấn để luyện thép và các dịch vụ liên quan cho Công ty S. Điều XI của “Hợp đồng dịch vụ” có ghi: Luật trọng tài áp dụng theo pháp luật nước Cộng hòa nhân dân TH. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, Công ty Y đã đưa tranh chấp giữa các bên ra Ủy ban Trọng tài QC, TQ đề nghị giải quyết theo tổ tụng trọng tài. Ngày 15/8/2017, Ủy ban Trọng tài QC, TQ đã ra phán quyết số 5171(2016) S.Z.A.Zi, phán quyết có hiệu lực vào ngày 15/8/2017.

Bên phải thi hành là Công ty S được thành lập, hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở, tài sản tại tỉnh TB, Việt Nam nên Công ty Y nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam tại Tòa án tỉnh TB là đúng. Tính thời điểm Công ty Y nộp đơn yêu cầu tại Tòa án thì còn trong thời hạn 3 năm kể từ ngày phán quyết có hiệu lực; Phán quyết số 5171(2016) S.Z.A.Zi được ban hành tại lãnh thổ nước Cộng hòa nhân dân TH, là thành viên Công ước New York của Liên Hiệp quốc năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, Việt Nam cũng là thành viên của Công ước này.

Công ty S không nhất trí với yêu cầu của Công ty Y vì Công ty S cho rằng: Ngày 07/9/2009, Công ty S và Công ty Y có ký kết “Hợp đồng dịch vụ” như nội dung Công ty Y trình bày. Tuy nhiên, người ký kết hợp đồng phía Công ty Y không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty Y, không có giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty Y. Vì vậy thỏa thuận trọng tài trong Hợp đồng đó không có hiệu lực pháp luật. Trọng tài giải quyết tranh chấp không phù hợp với thỏa thuận trọng tài giữa các bên trong hợp đồng.

Công ty S không nhận được Thông báo của Ủy ban Trọng tài QC; Sau đó Công ty S đã ủy quyền cho Luật sư TQ tham gia tố tụng, nhưng Cơ quan Trọng tài không yêu cầu Công ty S cung cấp giấy ủy quyền có công chứng, điều này đã vi phạm quy định tại Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự TQ. Sau khi Ủy ban Trọng tài QC giải quyết tranh chấp, Công ty S không nhận được phán quyết của cơ quan trọng tài. Thời gian trọng tài vi phạm thời hạn dài nhất của Ủy ban Trọng tài QC. Công ty S không phải là doanh nghiệp bản địa của TQ, vì vậy việc Ủy ban Trọng tài QC áp dụng pháp luật TQ để giải quyết tranh chấp là không đúng. Công ty S đề nghị Tòa án không công nhận, không cho thi hành phán quyết số 5171(2016) S.Z.A.Zi ngày 15/8/2017 của Ủy ban Trọng tài QC, TQ.

2. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CỦA TOÀ ÁN

2.1. Quyết định sơ thẩm số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 30/9/2020 của TAND tỉnh TB quyết định *(tóm tắt): Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết số 5171 (2016) S.Z.A.Zi ngày 15/8/2017 của Ủy ban Trọng tài QC, TQ (tóm tắt): Buộc Công ty S phải trả cho Công ty Y toàn bộ các khoản tiền còn thiếu là 5.175.313,91 CNY; Khoản phí trọng tài và phí trọng tài kháng cáo và lãi suất đến ngày trả hết thực tế theo phán quyết của Tòa án.*

Ngày 14/10/2020, Công ty S có đơn kháng cáo toàn bộ quyết định sơ thẩm nêu trên.

2.2. Quyết định số 188/2021/QĐ-PT ngày 31/3/2021 của TAND cấp cao tại HN, quyết định: *Chấp nhận kháng cáo của Công ty S sửa Quyết định sơ thẩm số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 30/9/2020 của TAND tỉnh TB. Không công nhận phán quyết trọng tài số 5171 (2016) S.Z.A.Zi ngày 15/8/2017 của Ủy ban Trọng tài QC, TQ.*

2.3. Ngày 08/12/2022, Công ty Y do bà Trần Thị Hoàng O là người đại diện theo uỷ quyền có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định số 188/2021/QĐ-PT ngày 31/3/2021 của TAND cấp cao tại HN.

2.4. Ngày 25/3/2024, Chánh án TAND tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2024/KN-KDTM đối với Quyết định phúc thẩm nêu trên.

Ngày 11/6/2024, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định xét kháng cáo quyết định xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành Phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam số 188/2021/QĐ-PT ngày 31/3/2021 của TAND cấp cao tại HN; giữ nguyên Quyết định sơ thẩm.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

- Đối với việc thứ nhất, thuộc trường hợp không công nhận và cho thi hành *tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại ra phán quyết công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là không đúng nên đã bị cấp giám đốc thẩm hủy án và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.*

Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố H chưa yêu cầu Ngân hàng DBS cung cấp đủ tài liệu chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu quy định tại Điều 434 Bộ Luật TTDS cụ thể: Quyết định OS 1133/2012, tài liệu số ORC 2018/2013 ngày 25/3/2013 của Tòa Thượng thẩm Singapore (Quyết định 1133) không thể hiện nội dung về hiệu lực thi hành Quyết định. Theo điểm b khoản 1 Điều 434, Ngân hàng DBS phải nộp cho Tòa án văn bản của Tòa án Singapore hoặc cơ quan khác có thẩm quyền của Singapore xác nhận Quyết định 1133 có hiệu lực pháp luật, chưa hết thời hiệu thi hành và cần được thi hành tại Việt Nam. Nhưng, Ngân hàng DBS mới nộp cho Tòa án văn bản xác nhận hiệu lực thi hành Quyết định 1133 của ông

Govinda Pannir Selvam (Thẩm phán Tòa án Tối cao Singapore đã nghỉ hưu) và Văn bản của Đại sứ quán nước Cộng hòa Singapore tại Việt Nam xác nhận Đạo luật về Thời hiệu là đạo luật có hiệu lực và hiện đang thi hành tại Singapore. Tuy nhiên, cả hai văn bản này đều không phải là văn bản pháp lý có giá trị chứng minh.

Tòa Thượng thẩm Singapore ban hành Quyết định 1133 vắng mặt ông B, bà L. Nhưng, Ngân hàng DBS mới cung cấp được cho Tòa án tài liệu về việc Tòa thượng thẩm Singapore tổng đạt Thông báo triệu tập của Tòa án và Bản tuyên thệ tới ông B, bà L bằng cách gửi thư bảo đảm tại Bưu điện Singapore. Chưa có xác nhận của Bưu điện Singapore.

Tại thời điểm giải quyết việc dân sự trên, giữa Việt Nam và Singapore chưa ký kết hoặc cùng là thành viên của điều ước quốc tế có quy định về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài.

Đối với việc trên, lẽ ra Tòa án hai cấp phải căn cứ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 4 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007; Khoản 4 Điều 22 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao để ban hành Văn bản gửi Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và áp dụng nguyên tắc có đi có lại giữa Việt Nam và Singapore để đưa ra phán quyết thì mới đúng pháp luật và toàn diện.

- Đối với việc thứ hai, thuộc trường hợp công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài là đúng. Tòa án cấp phúc thẩm không công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài là không có căn cứ pháp luật nên đã bị cấp giám đốc thẩm huỷ quyết định phúc thẩm giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Theo “Phán quyết trọng tài số 5171 (2016) S.Z.A.Zi do người yêu cầu cung cấp (bản dịch) thì ngày 22/2/2017, người bị yêu cầu đã gửi đơn lên Tòa án nhân dân trung cấp QC phản đối hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Căn cứ quy định tại điều 66 “Quy tắc trọng tài Ủy ban trọng tài QC”, thì thủ tục trọng tài của vụ kiện này đã bị đình chỉ.

Ngày 19/4/2017, Tòa án nhân dân trung cấp QC đã ra Quyết định dân sự số Y01MT261 (2017), xác định điều khoản trọng tài quy định tại Điều XI “Hợp đồng dịch vụ” giữa Công ty Y và Công ty S là hợp pháp, có hiệu lực, Ủy ban Trọng tài QC có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận trọng tài giữa Công ty Y và Công ty S. Căn cứ Điều 11 trong “Hợp đồng dịch vụ” ngày 07/9/2009 được ký giữa ba bên Công ty Y (người yêu cầu) Công ty S (người bị yêu cầu thứ nhất) và Công ty GM (người bị yêu cầu thứ hai) quy định “*Luật áp dụng trọng tài là pháp luật nước Cộng hòa Nhân dân TH*”. Do đó, Ủy ban Trọng tài QC đã khôi phục trọng tài và ra phán quyết giải quyết tranh chấp giữa các bên

là đúng theo thỏa thuận của các bên và đúng với Quy tắc trọng tài của Ủy ban Trọng tài QC. Do đó, căn cứ Điều 10, Điều 13 Quy tắc trọng tài của Ủy ban Trọng tài QC không chấp nhận phản đối của Công ty S về năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài của Công ty Y là đúng.

Như vậy, có cơ sở xác định Phán quyết số 5171 (2016) S.Z.A.Zi có hiệu lực thi hành. Thỏa thuận trọng tài là hợp pháp, thành phần của Trọng tài, thủ tục giải quyết tranh chấp phù hợp với thỏa thuận trọng tài của Công ty Y, phù hợp với Quy tắc trọng tài Ủy ban Trọng tài QC, TQ.

Quyết định sơ thẩm căn cứ Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài; Căn cứ Điều 424; Điều 430; Điều 458; Điều 461 Bộ luật TTDS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 tuyên xử Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết số 5171 (2016) S.Z.A.Zi ngày 15/8/2017 của Ủy ban Trọng tài QC, TQ là đúng vì TQ và Việt Nam đều là thành viên của Công ước này. Quyết định phúc thẩm áp dụng điểm d khoản 1 Điều 459 Bộ luật TTDS năm 2015 chấp nhận kháng cáo của Công ty S sửa quyết định sơ thẩm là chưa xem xét toàn diện việc dân sự nêu trên.

Từ kết quả giải quyết 02 việc dân sự cụ thể nêu trên, khi thực hiện công tác kiểm sát việc giải quyết các việc dân sự tương tự, Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần lưu ý phân biệt trường hợp nào áp dụng nguyên tắc có đi có lại, trường hợp nào áp dụng Luật Tương trợ tư pháp; trường hợp nào áp dụng Công ước New York năm 1958 cũng như việc áp dụng các hiệp định song phương, đa phương mà Việt Nam đã tham gia ký kết hoặc công nhận. Từ đó, căn cứ quy định của pháp luật Việt Nam đưa ra phán quyết đúng quy định của pháp luật về việc công hoặc không công nhận và cho thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Trên đây là một số vấn đề cần rút kinh nghiệm trong quá trình kiểm sát việc giải quyết một số việc dân sự về kinh doanh, thương mại “*Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các phán quyết của trọng tài nước ngoài*”. Viện KSND tối cao thông báo để Viện KSND các cấp tham khảo, vận dụng nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các việc dân sự về kinh doanh, thương mại./. 

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng - PVT VKSND tối cao (để báo cáo);
- Đ/c Vụ trưởng Vụ 10 (để báo cáo);
- VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng VKSND tối cao (P.tham mưu tổng hợp);
- Lưu VT, V10.

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT
CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH
DOANH, THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG
VIỆC KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
PHÓ VỤ TRƯỞNG




Đoàn Văn Thắng

